

Số: 53 /QĐ -THPTTOA

Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v thực hiện công khai theo thông tư số 09/TT-BGDĐT
ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THANH OAI A

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024 - 2025. (kèm các biểu mẫu công khai).

Điều 2. Các Ông, Bà thuộc tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Niêm yết;
- Lưu VT.



Nguyễn Hồng Quang

Số: 34/BC - THPTTOA

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THANH OAI A

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

-Địa chỉ: Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội

-Điện thoại: 0243.3873700

-Địa chỉ thư điện tử: c3thanhoaia@hanoiedu.vn

-Cổng thông tin điện tử: c3thanhoaia.edu.vn

3. Loại hình: Cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của BCH trung ương Đảng Khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; mục tiêu GDPT tại điều 2 của luật giáo dục (Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 16/6/2019); Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững GDĐT đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2161/QĐ- BGDDT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022, nhà trường xác định sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu cơ bản sau:



4.1. *Sứ mạng*: Tạo dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo, có khả năng hợp tác và thích ứng.

4.2. *Tầm nhìn*: Là cơ sở giáo dục công lập của ngành giáo dục và đào tạo Hà Nội, giáo dục và đào tạo học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, tiên tiến, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng thích ứng nhanh và có tinh thần hợp tác.

4.3. *Mục tiêu cơ bản của nhà trường*:

- Xây dựng đội ngũ: đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có chất lượng (Phẩm chất tốt, chuyên môn giỏi, phong cách đẹp, hợp tác, sáng tạo, khát vọng vươn lên) nhằm đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và của học sinh.

- Giáo dục học sinh: chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập. Giáo dục 5 phẩm chất cơ bản: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. 10 năng lực cốt lõi:

- + Những năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- + Những năng lực chuyên môn: năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- Tăng cường khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao chất lượng dạy và học.

- Giữ vững danh hiệu Trường chuẩn Quốc gia.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Thanh Oai A được thành lập năm 1965, có địa chỉ tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội mảnh đất giàu truyền thống hiếu học, sinh ra nhiều danh nhân.

Quy mô đào tạo trong 5 năm của nhà trường, phát triển như sau:

Năm học	Số lớp	Số học sinh các khối			Tổng số HS toàn trường
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	
2020 - 2021	36	575	527	537	1639
2021 - 2022	37	579	571	527	1677
2022 - 2023	38	605	567	562	1734
2023 - 2024	40	635	608	563	1806
2024 - 2025	42	620	626	607	1853

Về cơ sở vật chất: nhà trường được xây dựng trên khuôn viên có diện tích 10800m², với những hạng mục công trình xây dựng. Sau các năm xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất đến nay, nhà trường đang được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Oai triển khai Dự án Xây dựng thêm phòng học cho Trường THPT Thanh Oai B để đủ phòng học, các phòng chức năng và trang thiết bị dạy học. Dự án bắt đầu xúc tiến vào tháng 5 năm 2024 và dự kiến hoàn thành vào tháng 8 năm 2025.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, 69 giáo viên, 05 nhân viên và 13 lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP. Nhà trường ký hợp đồng lao động thỉnh giảng, khoán việc với 08 giáo viên.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong 5 năm học

-Kết quả xếp loại rèn luyện đạo đức:

Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực Giỏi (Tốt)	49.48%	53.37%	61.65%	61.41%	67.10%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực Khá	48.38%	45.56%	37.31%	37.54%	32.31%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực Yếu, Kém (Chưa đạt)	0.12%	0.00%	0.23%	0.00%	0.00%

Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) Tốt	95.97%	94.93%	94.05%	96.12%	95.01%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) Khá	3.66%	4.59%	4.90%	3.38%	4.38%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Trung bình (Đạt)	0.31%	0.30%	0.87%	0.33%	0.43%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu (Chưa đạt)	0.06%	0.18%	0.17%	0.16%	0.11%

Tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt bình quân trên 99,5%. Tỉ lệ đỗ vào đại học hàng năm đạt trên 86%.

Kết quả các cuộc thi của học sinh năm học 2024-2025:

+Thi Học sinh giỏi cấp Thành phố dành cho học sinh lớp 12: 07 giải (01 giải Nhì, 01 giải Ba, 05 giải Khuyến khích)

+Thi Olympic cụm khối 10,11: 50 giải (trong đó có 1 giải Nhất, 4 giải Nhì, 11 giải Ba và 34 giải Khuyến khích).

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

-Họ và tên: Nguyễn Hồng Quang

-Chức vụ: Hiệu trưởng

-Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thanh Oai A, Xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

-Số điện thoại: 0988119126

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Trường THPT Thanh Oai A được thành lập theo Quyết định số .../QĐ-UBND tỉnh Hà Sơn Bình ngày 01/8/1965 của UBND tỉnh Hà Sơn Bình.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

-Hiệu trưởng được bổ nhiệm, điều động theo Quyết định số: 699/QĐ-SGDĐT ngày 19/03/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc điều động bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Thanh Oai A.

-Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hạnh được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1779/QĐ-SGDĐT ngày 29/09/2023 của Sở GDĐT Hà Nội.

-Phó Hiệu trưởng Trần Thu Thu Hiền được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 212/QĐ-SGDĐT ngày 29/01/2021

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-THPT TOA ngày 28 tháng 6 năm 2025.

-Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

Cấp ủy, Ban Giám hiệu	
Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng Nguyễn Hồng Quang	
Phó Bí thư Đảng bộ, Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hạnh	Chi ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trần Thu Thu Hiền
Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ 1 Lê Ngọc Độ	Đảng ủy viên Nguyễn Phi Long
Tổ chuyên môn, Văn phòng	

Tổ Văn phòng; Tổ trưởng Lã Thúy Hằng	Tổ Toán - GDQP& AN; Tổ trưởng Nguyễn Thị hằng	Tổ Ngữ văn - Lịch sử - Mỹ thuật - Âm nhạc ; Tổ trưởng Lê Ngọc Độ	Tổ Vật lí- Sinh học- Công nghệ; Tổ trưởng Nguyễn Thị Hiền	Tổ Ngoại ngữ - Tin học- GD Kinh tế và Pháp luật - TV - TB; Tổ trưởng Nguyễn Thị Lan Anh	Tổ Hóa học - Địa lý - GDTC; Tổ trưởng Nguyễn Minh Thông
--	---	--	--	--	--

đ) Quyết định thành lập: Trường THPT Thanh Oai A được thành lập theo Quyết định số /QĐ-UND ngày 01/8/1965 của chủ tịch UBND tỉnh Hà Sơn Bình.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

-Họ và tên: Nguyễn Hồng Quang

-Chức vụ: Hiệu trưởng

-Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thanh Oai A, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

-Số điện thoại: 0988119126

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

-Quy chế dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-THPTTOA ngày .. tháng .. năm 2024 của trường THPT Thanh Oai A.

-Các nghị quyết của hội đồng trường phê duyệt các văn bản: Kế hoạch giáo dục của nhà trường, Thông qua Báo cáo Tự đánh giá, Phương hướng chiến lược phát triển, Kế hoạch cải tiến chất lượng, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy hoạch nhân sự...của nhà trường.

-Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính gồm: Quy trình giải quyết các thủ tục hành chính; Đề án vị trí việc làm; Quy chế chuyên môn; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản; Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Trình độ đào tạo		Ghi chú
				Trình độ	Chuyên ngành	
	Tổng cộng	15	82			
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	3			
1	Hiệu trưởng	1	1	Thạc sỹ 1	Quản lý giáo dục	
2	Phó Hiệu trưởng	1	2	Thạc sỹ: 2	- Sư phạm lịch sử - Quản lý giáo dục	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	7	69			
II.1	Giáo viên trung học phổ thông hạng 1	1	0			
II.2	Giáo viên trung học phổ thông hạng 2	1	33			

1	Giáo viên Toán học		5	Thạc sỹ: 4 Đại học: 1	Sư phạm Toán	
2	Giáo viên Vật Lý		2	Thạc sỹ: 2	Sư phạm Vật lý	
3	Giáo viên Hóa học		3	Thạc sỹ: 3	Sư phạm Hóa học	
4	Giáo viên Sinh học		2	Đại học: 1	Sư phạm Sinh học	
5	Giáo viên Ngữ văn		3	Thạc sỹ: 1 Đại học: 3	Sư phạm Ngữ văn	
6	Giáo viên Lịch sử		2	Đại học: 2	Sư phạm Lịch sử	
7	Giáo viên Địa lý		1	Đại học: 1	Sư phạm Địa lý	
8	Giáo viên GDKT-PL		2	Đại học: 2	Sư phạm Triết học	

9	Giáo viên Tiếng Anh		3	Thạc sỹ: 2 Đại học: 1	Sư phạm Tiếng Anh	
10	Giáo viên Tin học		3	Thạc sỹ: 1 Đại học: 2	Kỹ sư tin học, CC nghiệp vụ SP	
11	Giáo viên môn GDTC		2	Đại học: 2	Sư phạm GDTC	
12	Giáo viên môn Giáo d ục quốc phòng và an ni nh		0			
13	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)		1	Đại học: 1	Sư phạm Công nghệ	
14	Giáo viên môn Công nghệ (KTNN)		1	Đại học: 1	Sư phạm Công nghệ	
II.3	Giáo viên trung học phổ thông hạng 3	1	36			
1	Giáo viên Toán học		5	Thạc sỹ: 1 Đại học: 4	Sư phạm Toán	
2	Giáo viên Vật Lý		5	Thạc sỹ: 2 Đại học: 3	Sư phạm Vật lý	
3	Giáo viên Hóa học		2	Thạc sỹ: 2	Sư phạm Hóa học	

4	Giáo viên Sinh học		1	Đại học: 1	Sư phạm Sinh học	
5	Giáo viên Ngữ văn		6	Thạc sỹ: 3 Đại học: 3	Sư phạm Ngữ văn	
6	Giáo viên Lịch sử		2	Đại học: 2	Sư phạm Lịch sử	
7	Giáo viên Địa lý		1	Đại học: 1	Sư phạm Địa lý	
8	Giáo viên GDKT-PL		1	Đại học: 1	Sư phạm Triết học	
9	Giáo viên Tiếng Anh		4	Thạc sỹ: 2 Đại học: 2	Sư phạm Tiếng Anh	
10	Giáo viên Tin học		1	Thạc sỹ: 1	Kỹ sư tin học, CC nghiệp vụ SP	
11	Giáo viên môn Thể dục		3	Đại học: 3	Sư phạm GDTC	
12	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh		2	Đại học: 2	Sư phạm GD QP AN	
13	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)		1	Đại học: 1	Sư phạm Công nghệ	

14	Giáo viên môn Công nghệ (KTNN)		1	Đại học: 1	Sư phạm Công nghệ	
15	Giáo viên dạy môn Âm nhạc		0			
16	Giáo viên dạy môn Mỹ thuật		1	Đại học: 1	Sư phạm âm mỹ thuật	
17	Giáo viên dạy môn Giáo dục địa phương		0			Kiểm nhiệm
18	Giáo viên dạy môn Ngoài giờ lên lớp		0			Kiểm nhiệm
19	Giáo viên dạy môn Hướng nghiệp		0			Kiểm nhiệm
II.4	Thiết bị, thí nghiệm	1	2			
II.5	Giáo vụ	1	0			HĐ111
II.6	Tư vấn học sinh	1	0			
II.7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	0			

III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	5	2			
1	Thư viện	1	1	Đại học		
2	Quản trị công sở	1	0			
3	Kế Toán	1	0			HD111
4	Văn Thư	1	1	Đại học		
5	Thủ quỹ	1	0			Kiểm nhiệm
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3	6			
1	Y tế trường học	1	1	Cao đẳng		
2	Bảo vệ	1	4	THPT		HD111
3	Phục vụ	1	1	THPT		HD111

2.Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó có 28 cán bộ, giáo viên có bằng Thạc sĩ (đạt 38,5%).

3.Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% giáo viên đạt hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích đất nhà trường là 10800 m², bình quân diện tích sử dụng hơn 5,8m²/HS. Khu sân khấu và sân chơi phía trước.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng hành chính - quản trị; 01 phòng Hiệu trưởng 48m², 02 phòng Phó Hiệu trưởng (mỗi Phó Hiệu trưởng 01 phòng 24m²), các phòng được trang bị đầy đủ quạt, bóng điện, điều hòa, máy tính kết nối internet, máy in và các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý; 01 phòng đảng ủy- Công đoàn, 01 phòng Đoàn Thanh niên. Các phòng được trang bị đầy đủ quạt, bóng điện, điều hòa, máy tính kết nối internet, máy in và các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý; 01 phòng Văn thư 24m² bố trí bàn ghế, quạt, nước uống, trang bị đầy đủ thiết bị làm việc phù hợp; 01 phòng bảo vệ, 01 phòng tiếp dân đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi bao quát toàn sân trường và ngoài cổng về 2 cả phía đường; có 03 khu vệ sinh nam, 03 khu vệ sinh nữ dành cho CB, GV, NV. Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên 175m² được lợp mái tôn có khung kiên cố có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

- Khối phòng học tập: 31 phòng để học 2 ca sáng - chiều; Mỗi phòng học có 24 bộ bàn ghế (02 chỗ ngồi) bằng gỗ công nghiệp bề mặt phủ laminate, có 01 bộ bàn ghế của GV, có 01 bảng viết chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng (mỗi lớp có 02 cửa ra vào; 5 cửa sổ cửa lớn, lắp kính an toàn, có rèm che nắng, 22 bóng đèn huỳnh quang dài 1,2m). Trong phòng có 01 quạt tường dành cho GV và có 08 quạt trần; các phòng học được trang bị 01 bộ máy vi tính, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh gồm amply, micro, 04 loa phục vụ hoạt động dạy học. Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau: 02 phòng học Tin học (60m²/01 phòng) có tổng số 48 máy tính hoạt động đảm bảo dạy – học; 01 phòng bộ môn Hóa học 01 phòng 60m², 01 phòng bộ môn Vật lý 01 phòng 60m²; 01 phòng bộ môn Sinh học 01 phòng 60m²; 01 phòng Công nghệ 01 phòng 69m²; các phòng học, phòng bộ môn đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 02 thư viện rộng gần 78m², có 05 máy tính kết nối mạng có phần mềm quản lý thư viện, có hơn 10000 bản sách các loại sách theo quy định, có kho giá chứa sách, khu đọc sách của GV có 40 chỗ ngồi, khu đọc sách của HS có 48 chỗ ngồi. Sách trong thư viện gồm: Sách văn học, sách giáo khoa 1404 quyển; sách nghiệp vụ 708 quyển; sách tham khảo 7800 quyển, tư liệu khác (bản đồ và tranh ảnh giáo dục gồm: các loại báo và tạp chí đặt theo tháng và quý như báo Toán học tuổi trẻ, báo Giáo dục và Thời đại, báo Nhân dân,..) Thư viện được trang bị 05 máy tính kết nối mạng internet và 01 máy in. Thư viện có phần mềm quản lý

kết nối máy tính để tra cứu thông tin. Năm học 2024 - 2025, thư viện của nhà trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội kiểm tra, đánh giá Đạt chuẩn Mức độ 2. Khối hỗ trợ học tập còn có 01 phòng chứa thiết bị giáo dục và chuẩn bị thực hành có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường; 01 phòng tư vấn tâm lý; 01 phòng truyền thống rộng 54m²; 01 phòng Đoàn Thanh niên trang bị đầy đủ máy tính, máy in, tủ hồ sơ, bàn ghế làm việc; 01 phòng tư vấn tâm lý đủ bàn ghế, máy tính, máy in, tài liệu, sách tư vấn; 01 phòng truyền thống rộng 54m² trang bị đầy đủ bàn ghế, điều hòa, quạt, tranh ảnh.

- Khối phụ trợ gồm: 05 phòng tổ chuyên môn; khu vệ sinh học sinh bố trí cuối hành lang mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học có 01 khu vệ sinh nam nữ tách riêng. Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao riêng biệt phía sau dãy nhà A, hoàn toàn ngăn cách với các khối phòng chức năng và phòng học bằng tường kiên cố; có 01 nhà thể chất đa năng gồm sân tập, khán đài, kho chứa dụng cụ, khu thay đồ, nhà vệ sinh. Khối phụ trợ có phòng giáo viên đủ trang thiết bị: bàn làm việc, bảng thông tin, tủ tài liệu, cây nước, điều hòa, quạt trần, máy tính. Khu sân chơi, thể dục thể thao bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn: bóng rổ, bóng đá, cầu lông, nhảy xa, xà đơn, xà kép... Nhà đa năng: gồm sân tập, khán đài, kho chứa dụng cụ, khu thay đồ, nhà vệ sinh đảm bảo phục vụ cho công tác giáo dục thể chất, đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

So sánh với các tiêu chuẩn của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng đủ và vượt so với yêu cầu.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Bình quân</u>
<u>I</u>	<u>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</u> (Đơn vị tính: bộ)	<u>3</u>	<u>Số bộ/lớp</u>
<u>1</u>	<u>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định</u>		
<u>1.1</u>	<u>Khối lớp 12</u>	<u>70</u>	<u>5 bộ/lớp</u>
<u>1.2</u>	<u>Khối lớp 11</u>	<u>70</u>	<u>5bộ/lớp</u>
<u>1.3</u>	<u>Khối lớp 10</u>	<u>80</u>	<u>5 bộ/lớp</u>

<u>2</u>	<u>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu so với quy định</u>		
<u>2.1</u>	<u>Khối lớp 12</u>	<u>Đủ</u>	
<u>2.2</u>	<u>Khối lớp 11</u>	<u>Đủ</u>	
<u>2.3</u>	<u>Khối lớp 10</u>	<u>Đủ</u>	
<u>3</u>	<u>Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)</u>	<u>0</u>	
<u>4</u>	<u>...</u>		
<u>II</u>	<u>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</u>	<u>108</u>	<u>18HS/bộ</u>
<u>III</u>	<u>Tổng số thiết bị dùng chung khác</u>		<u>Số thiết bị/lớp</u>

<u>1</u>	<u>Ti vi</u>	<u>2</u>	<u>2/44</u>
<u>2</u>	<u>Cát xét</u>	<u>4</u>	<u>4/44</u>
<u>3</u>	<u>Đầu Video/đầu đĩa</u>	<u>0</u>	<u>3/44</u>
<u>4</u>	<u>Máy chiếu OverHead/projector/vật thể</u>	<u>57</u>	<u>57/44</u>
<u>5</u>	<u>ồn áp</u>	<u>0</u>	
<u>6</u>	<u>Máy phát điện</u>	<u>1</u>	
<u>7</u>	<u>Đàn ghi ta</u>	<u>2</u>	
<u>8</u>	<u>Đàn Organ</u>	<u>2</u>	
<u>9</u>	<u>Trống điện</u>	<u>0</u>	
<u>10</u>	<u>Máy ảnh</u>	<u>1</u>	
<u>11</u>	<u>Máy quay</u>	<u>0</u>	
<u>11</u>	<u>Hệ thống âm thanh lớp học</u>	<u>26</u>	<u>26/44</u>

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-THPTTOA ngày ... tháng ... năm 2024
của Trường THPT Thanh Oai A)

STT	Tên sách	Tên bộ sách lựa chọn	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng Phan Huy Dũng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 10	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 10	Kết nối tri thức với cuộc sống		

		1.Bóng chuyền 3. Bóng rổ; 4.Cầu lông	Trịnh Hữu Lộc Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử 10	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm
6	Địa lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	Giáo dục Việt Nam
8	Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
9	Hóa học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo dục Việt Nam
10	Sinh học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo dục Việt Nam



11	Tin học 10	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Đại học Sư phạm
12	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Cánh diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm
13	Công nghệ 10	<i>Công nghệ trồng trọt - Cánh diều</i>	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Huế
		<i>Thiết kế và công nghệ - Kết nối</i>	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-THPTTOA ngày ... tháng ... năm 2024
của Trường THPT Thanh Oai A)

STT	Tên sách	Tên bộ sách lựa chọn	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 11	Kết nối tri thức với cuộc sống		Giáo dục Việt Nam
		1.Bóng chuyền 3.Bóng rổ; 4.Cầu lông	Trịnh Hữu Lộc Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử 11	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm

6	Địa lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	Giáo dục Việt Nam
8	Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
9	Hóa học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo dục Việt Nam
10	Sinh học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 11	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Đại học Sư phạm
12	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Cánh diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm
13	Công nghệ 11	<i>Công nghệ Chăn nuôi</i> - Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Huế
		<i>Công nghệ cơ khí</i> - Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-THPTTOA ngày ... tháng ... năm 2024
của Trường THPT Thanh Oai A)

STT	Tên sách	Tên bộ sách lựa chọn	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng Phan Huy Dũng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 12	Kết nối tri thức với cuộc sống		
		1.Bóng chuyền 3.Bóng rổ; 4.Cầu lông	Trịnh Hữu Lộc Trịnh Hữu Lộc Trịnh Hữu Lộc	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử 12	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm
6	Địa lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoàn	Giáo dục Việt Nam
8	Vật lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
9	Hóa học 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo dục Việt Nam
10	Sinh học 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 12	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	Đại học Sư phạm

12	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Cánh điều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm
13	Công nghệ 12	<i>Công nghệ lâm nghiệp thủy sản</i> - Cánh điều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Huế
		<i>Công nghệ điện tử</i> - Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1.Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

-Kết quả tự đánh giá năm 2021: Đạt mức 2, Chuẩn Quốc gia Mức độ 1 năm 2015

2.Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

-Kết quả đánh giá ngoài năm 2021: Đạt mức 2, Chuẩn Quốc gia Mức độ 1

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

-Kết quả tuyển sinh: 620 học sinh (Chỉ tiêu được giao: 630 học sinh)

-Tổng số học sinh: 1853; chia ra: lớp 10: 620 HS, lớp 11 626, lớp 12: 607

2.Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

-Kết quả học tập của học sinh

Tổng số HS	Kết quả học tập									
	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/ KĐ		Kém	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1853	1244	67.13	596	32.16	11	0.59	2	0.11	0	0

-Kết quả xếp loại đạo đức học sinh

Tổng số HS	Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/CĐ	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1853	1760	95.03	81	4.37	9	0.49	2	0.11

- Số lượng học sinh được lên lớp và đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp: 1853 HS; học sinh không được lên lớp: 01.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

-Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 606 HS.

-Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2024- 2025: 606/606 học sinh.

-Số lượng học sinh trúng tuyển đại học năm học 2024- 2025: 540 học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính 2024 theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu:

-Ngân sách Nhà nước đặt hàng: 17.497.843.999 đồng

-Học phí: 1.134.360.774 đồng

-Dạy thêm, học thêm: 3.490.686.300 đồng

-Liên kết Tiếng Anh:

-Nước uống học sinh: 88.560.000 đồng

-Hoa hồng Bảo hiểm y tế: 56.742.557 đồng

b) Các khoản chi phân theo:

-Chi tiền lương và thu nhập: 12.925.806.813 đồng

-Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 496.334.705 đồng

-Chi hỗ trợ học sinh:

-Chi khác: 750.004.973 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí đối với học sinh.

-Hỗ trợ chi phí học tập: 39.726.000 đồng

-Miễn, giảm học phí: 11.305.000 đồng

3. Số dư các quỹ theo quy định: 3.325.697.508 đồng

-Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 831.424.400 đồng

-Quỹ Phúc lợi: 1.344.273.108 đồng

-Quỹ Khen thưởng: 150.000.000 đồng

-Quỹ bổ sung thu nhập: 1.000.000.000 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI (Tính từ năm 2020 đến 2025)

-Đảng bộ: 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. 05 lần được nhận Giấy khen của Huyện ủy về công tác xây dựng đảng, công tác kiểm tra giám sát, đổi mới sinh hoạt chi bộ, tham gia cuộc thi Chính luận...

-Nhà trường nhiều lần đạt danh hiệu đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được nhận Bằng khen của UBND thành phố cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của Thành phố Hà Nội. Năm 2025 được nhận “Bằng của Bộ trưởng Bộ giáo dục”.

- Đoàn Thanh niên Trường THPT Thanh Oai A 02 lần được TW Đoàn tặng Bằng khen, 01 lần được nhận Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu của Thành đoàn Hà Nội, 05 lần nhận Bằng khen của Thành Đoàn Hà Nội.

- 9 lượt tổ chuyên môn được nhận danh hiệu “Tổ lao động tiên tiến”.
- 79 lượt cán bộ, giáo viên được nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
- 02 đảng viên được nhận bằng khen: đồng chí Nguyễn Văn Dân(được UBND thành phố Hà Nội tặng Bằng khen); Bí thư Đoàn Thanh niên Phạm Vũ Việt được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen
- 33 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, 11 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp cụm THPT, 06 viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố (01 Nhất, 03 Nhì, 01 Ba, 01 KK).

Với những kết quả đã đạt được, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành giáo dục Thủ đô, uy tín trong phụ huynh và học sinh.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Niêm yết;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Quang

